UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG **PHÒNG KINH TẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 66 /BC-KT	*Xã Nguyễn Lương Bằng, ngày 08 tháng 7 năm 2026*

BÁO CÁO
Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán 6 tháng đầu năm 2026

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Hải Phòng về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 5055/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các cấp, các ngành, các đơn vị;

Căn cứ Quyết định số 5068/QĐ-UBNd ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao kế hoạch các nguồn vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Nguyễn Lương Bằng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2026;

Phòng Kinh tế báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán toán ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

1. Tình hình cân đối ngân sách địa phương 6 tháng đầu năm 2026

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

- Dự toán được giao: 236.800 triệu đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm: 322.286 triệu đồng, đạt 136,1 % dự toán được giao.

1.2. Thu ngân sách xã

- Dự toán được giao: 270.819 triệu đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là 183.577 triệu đồng, đạt 67,8% dự toán được giao. Trong đó:

+ Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp là 37.533 triệu đồng đạt 36,6% dự toán giao.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên là 118.641 triệu đồng đạt 70,5% dự toán giao.

+ Thu chuyển nguồn là 27.403 triệu đồng.

1.3. Chi ngân sách xã

- Dự toán được giao là 270.819 triệu đồng.

- Thực hiện 6 tháng đầu năm 2026 là 115.931 triệu đồng, đạt 42,8% dự toán được giao. Trong đó:

+ Chi đầu tư phát triển là 30.245 triệu đồng đạt 40,5% dự toán giao.

+ Chi thường xuyên là 85.305 triệu đồng đạt 44,7% dự toán giao.

(Chi tiết theo mẫu biểu số 54)

2. Thực hiện thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026

2.1. Thu ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2026 trên địa bàn

Tổng thu ngân sách nhà nước 6 tháng năm 2026 trên địa bàn là 322.286 triệu đồng, đạt 106,7 % dự toán được giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước là 404 triệu đồng.

- Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 10.651 triệu đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 13.167 triệu đồng, đạt 43,7% dự toán giao.

- Thuế thu nhập cá nhân là 6.125 triệu đồng.

- Thuế bảo vệ môi trường là 151 triệu đồng.

- Các loại phí, lệ phí là 215 triệu đồng, đạt 119,3% dự toán giao.

- Lệ phí trước bạ là 5.484 triệu đồng, đạt 46,9% dự toán giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 202 triệu đồng, đạt 39,7% dự toán giao.

- Thu tiền cho thuê đất, cho thuê mặt nước là 590 triệu đồng, đạt 27,7% dự toán giao.

- Thu tiền sử dụng đất là 279.370 triệu đồng, đạt 147,3% dự toán giao.

- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản là 1.253 triệu đồng, đạt 62,7% dự toán giao.

- Thu khác ngân sách là 4.673 triệu đồng, đạt 934,6% dự toán giao.

2.2. Thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm 2026

Tổng thu ngân sách xã 6 tháng năm 2026 là 37.533 triệu đồng, đạt 36,6% dự toán giao, trong đó:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước là 218 triệu đồng.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh là 5.870 triệu đồng, đạt 36,1% dự toán giao.

- Các loại phí, lệ phí là 121 triệu đồng, đạt 67,0% dự toán giao.

- Lệ phí trước bạ là 3.417 triệu đồng, đạt 43,5% dự toán giao.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là 202 triệu đồng, đạt 39,7% dự toán giao.

- Thu tiền sử dụng đất là 25.154 triệu đồng, đạt 33,7% dự toán giao.

- Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản là 1.253 triệu đồng, đạt 62,7% dự toán giao.

- Thu khác ngân sách là 1.168 triệu đồng, đạt 1.167,9% dự toán giao.

(Chi tiết theo mẫu biểu số 55)

3. Thực hiện chi ngân sách nhà nước 03 tháng đầu năm 2026

Tổng chi ngân sách xã là 115.931 triệu đồng đạt 42,8%, dự toán giao, trong đó:

3.1. Chi đầu tư phát triển là 30.245 triệu đồng đạt 40,5%.

3.2. Chi thường xuyên là 85.305 triệu đồng đạt 44,7%, trong đó:

- Chi giáo dục, đào tạo là 42.722 triệu đồng, đạt 40,6% dự toán giao.

- Chi quốc phòng, an ninh là 2.634 triệu đồng, đạt 61,4% dự toán giao.

- Chi y tế, dân số và gia đình là 2.008 triệu đồng, đạt 38,0% dự toán giao.

- Chi văn hóa thông tin là 578 triệu đồng, đạt 12,2% dự toán giao.

- Chi phát thanh là 45 triệu đồng, đạt 15,1% dự toán giao.

- Chi thể dục thể thao là 141 triệu đồng, đạt 39,6% dự toán giao.

- Chi bảo vệ môi trường là 122 triệu đồng, đạt 10,4 dự toán giao.

- Chi các hoạt động kinh tế là 238 triệu đồng, đạt 2,0% dự toán giao.

- Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể là 17.067 triệu đồng, đạt 57,3% dự toán giao.

- Chi đảm bảo xã hội là 19.627 triệu đồng, đạt 74,1% dự toán giao.

3.3 Tình hình sử dụng dự phòng ngân sách xã 9 tháng đầu năm 2026

- Dự phòng được giao là 5.310 triệu đồng

- Kinh phí sử dụng 6 tháng đầu năm là 380,929 triệu đồng

(Chi tiết theo mẫu biểu số 56.1, 56.2)

4. Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công

Tổng giá trị giải ngân 6 tháng đầu năm là 30.245/102.490 triệu đồng, đạt 29,5% kế hoạch vốn giao. Kết quả giải ngân cụ thể như sau:

- Nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách xã giải ngân là 24.441 triệu đồng, đạt 87,9% so với kế hoạch 27.818 triệu đồng.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách xã giải ngân là 5.084 triệu đồng, đạt 7,8% so với kế hoạch 74.672 đồng.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THU, CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Công tác thu ngân sách

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp để doanh nghiệp, hộ kinh doanh hoạt động và phát triển ổn định; trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hiện đại hóa công tác quản lý thu. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, phối hợp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi khi doanh nghiệp, hộ kinh doanh gặp khó khăn, vướng mắc.

- Chủ động rà soát, quản lý chặt chẽ tổng thể các nguồn thu trên địa bàn xã, bảo đảm công bằng, chính xác theo đúng quy định của pháp luật, phối hợp chặt chẽ với cơ quan Thuế khu vực để quản lý, thu đúng, thu đủ các khoản thu theo quy định và các khoản thuế vãng lai trên địa bàn vào ngân sách. Tiếp tục công khai, minh bạch số thu, mức thu của từng tổ chức, cá nhân để doanh nghiệp, hộ kinh doanh và nhân dân theo dõi, giám sát.

- Thực hiện quyết liệt các biện pháp thu hồi nợ đọng để chống thất thu ngân sách. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo đúng quy định đối với các trường hợp nợ đọng kéo dài.

- Tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại các điểm dân cư khu dân cư tập trung Thờ Nợ, khu dân cư mới trung tâm xã Nhân Quyền, điểm dân cư mới Đồng Con Cá, điểm dân cư mới thôn Hòa Loan.

- Đẩy nhanh tiến độ rà soát, xử lý hồ sơ vướng mắc khó khăn đối với các hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu để tạo nguồn thu từ lệ phí và tiền sử dụng đất.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về Thuế, Phí và lệ phí để nâng cao nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế với nhà nước.

2. Công tác chi ngân sách và đầu tư công

- Rà soát tiến độ thực hiện của các dự án để giải ngân vốn đầu tư công. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu đạt tỷ lệ giải ngân vào cuối Quý III theo kịch bản đầu tư công năm 2026 và đạt tỷ lệ giải ngân đầu tư công năm 2026 là 100%.

- Ưu tiên nguồn lực cho các nhiệm vụ chi an sinh xã hội, lương và các khoản phụ cấp. Đối với chi hoạt động bộ máy, ngoài việc thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong dự toán giao tạo nguồn cải cách tiền lương thì tiếp tục chủ động tiết kiệm 10% chi thường xuyên trong dự toán được giao để thực hiện chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là các khoản chi tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết, đi nghiên cứu, học tập…

Trên đây là báo cáo công khai kết quả thực hiện dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2026 xã Nguyễn Lương Bằng./.

Nơi nhận:
- Thường trực Đảng uỷ;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Các cơ quan liên quan;
- Lưu: KT.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG KINH TẾ
X. NGUYỄN LƯƠNG BẰNG - TP. HẢI PHÒNG

Phùng Vũ Trung

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

Mẫu biểu số 54

PHÒNG KINH TẾ

TÌNH HÌNH CÂN ĐỐI NSĐP 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-KT ngày 08/7/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện		Quý II so với DT (%)		
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Quý II	6th đầu năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**102.418**	**30.281**	**37.533**	**36,6**	**36,6**	
I	Thu nội địa	102.418	30.281	37.533	29,6	36,6	
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
IV	Thu viện trợ						
B	**TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**	**270.819**	**84.040**	**183.577**	**31,0**	**67,8**	
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**102.418**	**30.281**	**37.533**	**29,6**	**36,6**	
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%	6.790	2.988	6.161	44,0	90,7	
2	Thuế giá trị gia tăng (phần NSĐP hưởng 30%)						
3	Các khoản thu phân chia NSĐP theo tỷ lệ %	95.628	27.294	31.372	28,5	32,8	
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**168.401**	**53.759**	**118.641**	**31,9**	**70,5**	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	167.321	40.500	86.321	24,2	51,6	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.080	13.259	32.320	1.227,7	2.992,6	
III	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**						
IV	**Thu kết dư**						
V	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**			**27.403**			
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**270.819**	**62.588**	**115.931**	**23,1**	**42,8**	
I	**Chi cân đối ngân sách địa phương**	**270.819**	**62.588**	**115.931**	**23,1**	**42,8**	
1	Chi đầu tư phát triển	74.672	19.716	30.245	26,4	40,5	
2	Chi thường xuyên	190.837	42.492	85.305	22,3	44,7	
3	Chi cho vay						
4	Chi viện trợ						
5	Chi trả nợ lãi						
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính						
7	Dự phòng NSNN	5.310	381	381	7,2	7,2	
8	Các nhiệm vụ chi khác						
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp trên**						
III	**Chi chuyển nguồn sang năm sau**				-		

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 55

THỰC HIỆN THU NSNN QUÝ 2 NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-KT ngày 08/7/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán		Thực hiện quý II		Lũy kế đến Quý II		So sánh % (TH/DT)	
		NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX	NSNN	NSX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=5/1	8=6/2
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**236.800**	**102.418**	**252.557**	**30.281**	**322.286**	**37.533**	**136,1**	**36,6**
I	**Thu nội địa**	**236.800**	**102.418**	**252.557**	**30.281**	**322.286**	**37.533**	**136,1**	**36,6**
1	Thu từ khu vực DNNN			182	99	404	218		
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN			1.111		10.651			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	30.100	16.254	4.682	2.238	13.167	5.870	43,7	36,1
4	Thuế thu nhập cá nhân			2.362		6.125			
5	Thuế bảo vệ môi trường			67		151			
6	Phí, lệ phí	180	180	120	65	215	121	119,3	67,0
7	Lệ phí trước bạ	11.700	7.850	3.132	2.075	5.484	3.417	46,9	43,5
8	Các khoản thu về nhà, đất	192.320	76.034	239.238	25.151	280.163	25.487	145,7	33,5
-	*Thuế sử dụng đất nông nghiệp*								
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*	*510*	*510*	*194*	*194*	*202*	*202*	*39,7*	*39,7*
-	*Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	*2.130*	*852*	*492*	*91*	*590*	*130*	*27,7*	*15,3*
-	*Thu tiền sử dụng đất*	*189.680*	*74.672*	*238.551*	*24.866*	*279.370*	*25.154*	*147,3*	*33,7*
-	*Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà thuộc sở hữu NN*								
9	Thu tiền sử dụng khu vực biển								
10	Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công								
11	Thu từ hoạt động xổ số								
12	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước, cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, thu tiền sử dụng khu vực biển								
13	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước								
-	*Thu hồi vốn NSNN đầu tư tại tổ chức kinh tế*								
-	*Thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước*								
14	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	2.000	2.000	225	225	1.253	1.253	62,7	62,7
15	Thu khác ngân sách	500	100	1.438	428	4.673	1.168	934,6	1167,9

II	**Thu từ dầu thô**								
III	**Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu**								
1	Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu								
2	Thuế xuất khẩu								
3	Thuế nhập khẩu								
4	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu								
5	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu								
6	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu								
7	Thuế khác								
IV	**Thu viện trợ**								
B	**Hoàn thuế GTGT, thuế TTĐB và các khoản thu khác**								
1	Thuế GTGT								
2	Thuế TTĐB								
3	Hoàn các khoản thu khác								
C	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**		**102.418**	**0**	**30.281**	**0**	**37.533**		**36,6**
1	Các khoản thu NSĐP hưởng 100%		6.790		2.988		6.161		90,7
2	Thuế GTGT (phần NSĐP hưởng 30%)								
3	Từ các khoản thu phân chia giữa NSTW và NSĐP		95.628		27.294		31.372		32,8

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG **Mẫu biểu số 56.1**

PHÒNG KINH TẾ

THỰC HIỆN CHI NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-KT ngày 08/7/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Thực hiện		So với DT (%)		
			Quý II	Lũy kế đến Quý II	Quý II	6th đầu năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3	4=2/1	5=3/1	6
	TỔNG CHI NSĐP	**270.819**	**62.588**	**115.931**	**23,1**	**42,8**	
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**270.819**	**62.588**	**115.931**	**23,1**	**42,8**	
I	**Chi đầu tư phát triển**	**74.672**	**19.716**	**30.245**	**26,4**	**40,5**	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	74.672	19.716	30.245	26,4	40,5	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia						
II	**Chi trả nợ lãi**						
III	**Chi thường xuyên**	**190.837**	**42.492**	**85.305**	**22,3**	**44,7**	
	Trong đó:						
1	*Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề*	105.284	23.032	42.772	21,9	40,6	
2	*Chi khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*	390	74	74	18,9	18,9	
3	*Chi quốc phòng, an ninh*	4290	1.194	2.634	27,8	61,4	
4	*Chi y tế, dân số và gia đình*	5.280	1.154	2.008	21,9	38,0	
5	*Chi văn hoá thông tin*	4.756	422	578	8,9	12,2	
6	*Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn*	300	45	45	15,1	15,1	
7	*Chi thể dục thể thao*	355	141	141	39,6	39,6	
8	*Chi bảo vệ môi trường*	1.172	122	122	10,4	10,4	
9	*Chi các hoạt động kinh tế*	11.792	206	238	1,7	2,0	
10	*Chi hoạt động QLNN, Đảng, đoàn thể*	29.783	8.037	17.067	27,0	57,3	
11	*Chi đảm bảo xã hội*	26.486	7.559	19.627	28,5	74,1	
12	*Chi khác*	949	-	-	0,0	0,0	
IV	**Chi cho vay**						
V	**Chi viện trợ**						
VI	**Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính**						
VII	**Dự phòng ngân sách nhà nước**	**5.310**	**381**	**381**	**7,2**	**7,2**	
VIII	**Chi CCTL, tinh giản biên chế**						
IX	**Các nhiệm vụ chi khác**						
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NS TW CHO NSĐP**						
1	Chi đầu tư thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án						
2	Chi thường xuyên thực hiện các chế độ, chính sách						
3	Chi thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia						

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG

PHÒNG KINH TẾ

Mẫu biểu số 56.2

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO ĐỊA PHƯƠNG VÀ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-KT ngày 08/7/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự phòng ngân sách địa phương			Dự phòng ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương			Quỹ dự trữ tài chính		
		Dự toán HĐND quyết định	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại	Số NSTW bổ sung	Số đã phân bổ	Còn lại	Số dư đầu năm	Lũy kế đã sử dụng	Còn lại
A	B	1	2	3=1-2	4	5	6=4-5	7	8	9=7-8
	Tổng số	**5.310**	**381**	**4.929**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	Chi đầu tư phát triển									
2	Chi thường xuyên	5.310	381	4.929						

UBND XÃ NGUYỄN LƯƠNG BẰNG
PHÒNG KINH TẾ

Biểu mẫu số 56.3

KẾT QUẢ PHÂN BỔ SỬ DỤNG SỐ TĂNG THU SO VỚI DỰ TOÁN, DỰ TOÁN CHI CÒN LẠI

(Kèm theo Báo cáo số: 66 /BC-KT ngày 08/7/2026 của Phòng kinh tế xã)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số	Trong đó	
			Số tăng thu so với dự toán	Dự toán chi còn lại
A	B	1=2+3	2	3
	Tổng số	**15.749**	**2.360**	**2.674**
1	Giảm bội chi, tăng chi trả nợ			
2	Bổ sung tăng dự phòng ngân sách và quỹ dự trữ tài chính	5.034	2.360	2.674
3	Bổ sung nguồn thực hiện chính sách tiền lương	10.715		
4	Chi đầu tư một số dự án quan trọng			
5	Thực hiện một số chính sách an sinh xã hội			
6	Thưởng vượt dự toán thu hoặc hỗ trợ ngân sách cấp dưới hụt thu			